

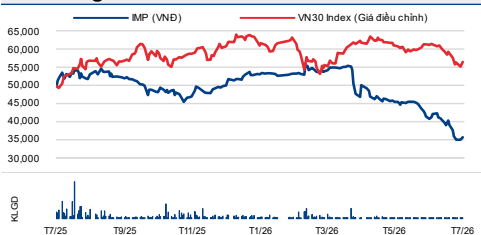
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ47,100
Tiềm năng tăng/giảm: 30.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2026)	36,000
Mã Bloomberg	IMP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	35,000-55,872
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	35,425
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	5,546
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	211
Slg CP lưu hành (tr.đv)	154
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	120
Slg CP NN được mua (tr.đv)	40.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	78.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	51.5%
Tỷ lệ freefloat	8.91%
Cổ đông lớn	Livzon (64.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	2,441	2,391	2,601
EBITDA đc (tỷ đồng)	567	576	605
LNTT (tỷ đồng)	446	471	490
LNT ĐC (tỷ đồng)	349	377	392
FCF (tỷ đồng)	27.3	84.9	(15.8)
EPS ĐC (đồng)	2,102	2,268	2,361
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	14,977	15,778	16,605
T.trưởng EBITDA (%)	8.90	1.61	5.03
T.trưởng EPS ĐC (%)	8.81	7.90	4.07
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	23.2	24.1	23.3
Tỷ suất LNTT (%)	18.3	19.7	18.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	14.3	15.8	15.1
Tỷ lệ LN trả CT (%)	23.8	22.0	21.2
Nợ thuần/VCSH (%)	2.39	0.82	9.59
ROAE (%)	15.6	15.9	15.7
ROACE (%)	20.1	19.1	18.6
EV/doanh thu (lần)	2.28	2.31	2.21
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.82	9.60	9.51
P/E ĐC (lần)	17.1	15.9	15.3
P/B (lần)	2.40	2.28	2.17
Lợi suất cổ tức (%)	1.39	1.39	1.39

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

IMP sở hữu và vận hành số lượng dây chuyền sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn EU-GMP nhiều nhất Việt Nam

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Lê Hoài Phúc

Chuyên viên cao cấp, Ngành Hàng Tiêu
phuc.nlh@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q2/2026: Tỷ suất lợi nhuận cải thiện giúp bù đắp doanh thu yếu

- Doanh thu thuần Q2/2026 của IMP giảm 11% so với cùng kỳ nhưng LNST tăng 4% so với cùng kỳ, nhìn chung sát với dự báo của HSC, nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện và chi phí HĐKD giảm.
- Tổng doanh thu qua kênh bệnh viện/đầu thầu (ETC) giảm 8,8% so với cùng kỳ (tăng 24,8% so với quý trước) trong bối cảnh dây chuyền thuốc tiêm penicillin tại IMP3 hoạt động trở lại, trong khi tổng doanh thu qua kênh nhà thuốc (OTC) tiếp tục yếu, giảm 19,5% so với cùng kỳ do việc thực thi quy định về thuốc kê đơn chặt chẽ hơn và các nhà thuốc thận trọng hơn trong việc nhập hàng trở lại.
- Giá cổ phiếu IMP đã giảm 12% trong 1 tháng và 29% trong 3 tháng qua trong bối cảnh thị trường chung điều chỉnh. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: KQKD Q2/2026 hơi thấp hơn dự báo

IMP công bố KQKD Q2/2026 trái chiều. Doanh thu thuần giảm 11% so với cùng kỳ (tăng 3% so với quý trước) xuống 562 tỷ đồng do cả kênh ETC và OTC vẫn thấp hơn mức Q2/2025 mặc dù kênh ETC phục hồi so với quý trước; trong khi đó, LNST tăng 4% so với cùng kỳ (tăng 15% so với quý trước) đạt 94 tỷ đồng. Theo đó, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2026 đạt lần lượt 1.108 tỷ đồng và 176 tỷ đồng, bằng 46% và 47% dự báo tương ứng cho cả năm 2026 của HSC, chỉ hơi thấp hơn dự báo.

Tỷ suất lợi nhuận cải thiện giúp duy trì lợi nhuận

Lợi nhuận gộp Q2/2026 giảm 7% so với cùng kỳ, chậm hơn mức giảm 11% của doanh thu thuần, nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp tăng từ mức 40,1% trong Q2/2025 lên 41,9%. Giá vốn hàng bán giảm 13,8% so với cùng kỳ, phản ánh việc Công ty quản lý các chương trình khuyến mại chặt chẽ hơn và sử dụng nguyên liệu có chi phí thấp hơn được mua từ trước. Chi phí bán hàng & quản lý trong Q2/2026 giảm 13% so với cùng kỳ nhờ chi phí nhân sự và phát triển thị trường giảm, đồng thời không còn khoản phạt chấm dứt hợp đồng được ghi nhận trong nửa đầu năm 2025. Chi phí lãi vay trong Q2/2026 cũng giảm 46% so với cùng kỳ sau khi IMP hoàn trả các khoản vay có chi phí cao hơn.

Nhìn chung, tỷ suất LNST Q2/2026 tăng lên mức 16,7%, từ 15% trong Q1/2026 và 14,3% trong Q2/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026, IMP

Lợi nhuận thuần tăng 4,4% so với cùng kỳ trong Q2 và tăng 6,7% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2026

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	6T26 / 2026 HSCF
Doanh thu thuần	633	562	-11.2%	1,227	1,108	-9.7%	46%
Lợi nhuận gộp	254	236	-7.1%	488	462	-5.3%	46%
Chi phí BH&QL	-138	-119	-13.8%	-272	-241	-11.4%	47%
LNST	90	94	4.4%	165	176	6.7%	47%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	40.1%	42.0%	1.8 điểm %	39.8%	41.7%	1.9 điểm %	
Chi phí BH&QL / doanh thu	-21.8%	-21.2%	-0.6 điểm %	-22.2%	-21.8%	-0.4 điểm %	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	14.2%	16.7%	2.4 điểm %	13.4%	15.9%	2.4 điểm %	

Nguồn: IMP, HSC

Doanh thu kênh ETC giảm so với cùng kỳ nhưng phục hồi so với quý trước; kênh OTC tiếp tục yếu

Tổng doanh thu kênh ETC trong Q2/2026 giảm 8,8% so với cùng kỳ nhưng phục hồi 24,8% so với quý trước sau khi dây chuyền thuốc tiêm penicillin tại IMP3 (nhà máy beta-lactam của IMP, đi vào hoạt động năm 2010 và đạt chứng nhận EU-GMP từ năm 2016) hoạt động trở lại. Dây chuyền này được bảo trì định kỳ trong Q1/2026 trước đợt đánh giá EU-GMP theo kế hoạch trong năm 2026. Kênh ETC đóng góp lần lượt khoảng 59% và 54% tổng doanh thu Q2/2026 và nửa đầu năm 2026 của IMP.

Sản lượng tại IMP4 (nhà máy mới nhất của IMP, đi vào hoạt động năm 2019 và đạt chứng nhận EU-GMP cho thuốc tiêm không chứa beta-lactam vào năm 2022) tăng 24,1% so với cùng kỳ (tăng 65% so với quý trước) trong Q2/2026 nhờ nhu cầu thuốc kháng sinh dạng tiêm đạt tiêu chuẩn EU-GMP cải thiện. Doanh thu kênh ETC đóng góp lần lượt 59% và 54% tổng doanh thu Q2/2026 và nửa đầu năm 2026 của IMP.

Tổng doanh thu kênh OTC trong Q2/2026 giảm 19,5% so với cùng kỳ (giảm 9,1% so với quý trước), phản ánh việc thực thi quy định về thuốc kê đơn chặt chẽ hơn và các nhà thuốc cũng thận trọng hơn trong việc nhập hàng trở lại. Theo đó, doanh thu bán lẻ truyền thống giảm 30,9% so với cùng kỳ, khiến tỷ trọng đóng góp của kênh OTC vào doanh thu của IMP giảm từ 74% trong Q2/2025 xuống 64% trong Q2/2026. Ngược lại, doanh thu chuỗi nhà thuốc tăng 39,1% so với cùng kỳ, đưa tỷ trọng đóng góp tăng từ 12% lên khoảng 20%. Sự chuyển dịch này sẽ giúp Công ty mở rộng khả năng tiếp cận thị trường, mặc dù mức chiết khấu cao hơn có thể gây sức ép lên tỷ suất lợi nhuận.

Vị thế đấu thầu Nhóm 2 được củng cố

Lưu ý, hoạt động đấu thầu thuốc generic tại Việt Nam phân loại sản phẩm theo điều kiện kỹ thuật: Nhóm 1 gồm thuốc biệt dược gốc và các sản phẩm khác đạt tiêu chuẩn cao nhất; Nhóm 2 chủ yếu gồm thuốc generic đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương; trong khi Nhóm 3-5 gồm các nhóm thuốc generic rộng hơn.

Giá trị thầu Nhóm 2 của IMP trong Q2/2026 ước tính tăng mạnh 65% so với cùng kỳ đạt 985 tỷ đồng, đưa thị phần của IMP từ 14,6% trong Q2/2025 lên 15,4%. Giá trị thầu Nhóm 3-5 tăng mạnh 154% so với cùng kỳ đạt 63 tỷ đồng trong Q2/2026, trong khi Nhóm 1 giảm 31% so với cùng kỳ xuống 67 tỷ đồng. KQKD Nhóm 2 tích cực hơn giúp củng cố vị thế của IMP trong phân khúc EU-GMP cốt lõi, mặc dù kết quả trúng thầu là chỉ báo sớm chứ chưa phải doanh thu được ghi nhận ngay.

Nửa cuối năm 2026: Cần doanh thu phục hồi; tỷ suất lợi nhuận có thể trở lại mức bình thường

Mục tiêu tăng trưởng doanh thu 10% trong năm 2026 của BLĐ có vẻ khó đạt được do doanh thu nửa cuối năm 2026 cần tăng ít nhất 15% so với cùng kỳ để doanh thu cả năm quay lại tăng trưởng dương. Đáng chú ý, dự báo cả năm 2026 và KQKD thực tế nửa đầu năm 2026 của HSC cho thấy doanh thu nửa cuối năm 2026 đạt 1.283 tỷ đồng, chỉ tăng 6% so với cùng kỳ. Áp lực chi phí các hoạt chất dược phẩm (API) trong ngắn hạn vẫn được kiểm soát do IMP đã đảm bảo phần lớn nhu cầu cho năm 2026.

Cần theo dõi mức độ tập trung sở hữu

Tại ngày 30/6, công ty đầu tư Lian SGP của cổ đông kiểm soát Livzon nắm giữ 67,87% cổ phần IMP (tăng từ mức 64,8% trong tháng 5/2026), trong khi Vinapharm (DVN; chưa khuyến nghị) nắm giữ 22,04%, quỹ ngoại SK Investment Vina III tiếp tục nắm giữ 3,02% và các cổ đông khác nắm giữ 7,08%. Theo đó, các cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ khoảng 10,1%, chỉ cao hơn khoảng 0,1 điểm phần trăm so với ngưỡng pháp lý yêu cầu tối thiểu 10% cổ phần do công chúng nắm giữ. Cần theo dõi nếu SK hoặc các cổ

đồng thiểu số có bất kỳ giao dịch chuyển nhượng thêm nào cho một trong hai cổ đông lớn nêu trên.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Giá cổ phiếu IMP đã giảm 12% trong 1 tháng và 29% trong 3 tháng qua; cổ phiếu đang giao dịch ở mức P/E dự phóng năm 2026 là 15,7 lần, thấp hơn đáng kể so với bình quân từ năm 2021 ở mức 18 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với cổ phiếu này.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, IMP

Doanh thu ETC phục hồi so với quý trước, trong khi kênh OTC vẫn là áp lực chính đối với tăng trưởng doanh thu trong Q2/2026

	Q2/25	Q2/26	So với quý trước	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
ETC	422	385	24.8%	-8.8%	764	693	-9.3%
OTC	341	274	-9.1%	-19.5%	663	576	-13.1%
Khác	8	7	-62.7%	-8.7%	14	26	79.7%
Doanh thu gộp	770	666	5.9%	-13.5%	1,441	1,295	-10.1%
Doanh thu thuần	633	562	2.9%	-11.2%	1,227	1,108	-9.7%

Nguồn: IMP, HSC ước tính

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu OTC theo kênh, IMP

Doanh thu chuỗi nhà thuốc tăng khoảng 39% so với cùng kỳ trong Q2, qua đó bù đắp một phần cho mức giảm 31% so với cùng kỳ của doanh thu bán lẻ truyền thống

	Q2/25	Q2/26	So với quý trước	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Bán buôn	48	44	-9.1%	-7.6%	86	92	7.0%
Chuỗi nhà thuốc (MT)	40	55	1.5%	39.1%	93	109	18.0%
Bán lẻ truyền thống (GT)	254	175	-12.0%	-30.9%	484	375	-22.6%
Tổng doanh thu kênh OTC	341	274	-9.1%	-19.5%	663	576	-13.1%

Nguồn: IMP, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	2,205	2,441	2,391	2,601	2,853
Lợi nhuận gộp	856	1,002	999	1,065	1,169
Chi phí BH&QL	(440)	(539)	(516)	(556)	(602)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	415	462	483	510	567
Lãi vay thuần	(11.9)	(17.4)	(12.9)	(20.9)	(33.2)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	0.91	1.24	1.24	1.24	1.24
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	404	446	471	490	535
Chi phí thuế TNDN	(83.3)	(97.1)	(94.2)	(98.0)	(107)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	321	349	377	392	428
Lợi nhuận thuần ĐC	321	349	377	392	428
EBITDA ĐC	521	567	576	605	665

EPS (đồng)	1,932	2,102	2,268	2,361	2,578
EPS ĐC (đồng)	1,932	2,102	2,268	2,361	2,578
DPS (đồng)	500	500	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	154	154	154	154	154
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	154	154	154	154	154
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	154	154	154	154	154

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	162	189	329	213	305
Đầu tư ngắn hạn	142	212	200	200	200
Phải thu khách hàng	384	404	395	431	473
Hàng tồn kho	705	678	655	723	793
Các tài sản ngắn hạn khác	16.7	24.2	23.7	25.8	28.2
Tổng tài sản ngắn hạn	1,410	1,507	1,604	1,593	1,800
TSCĐ hữu hình	828	745	1,084	1,420	1,755
TSCĐ vô hình	74.2	73.2	71.3	69.3	67.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	(0.18)	(0.18)	67.0	67.0	67.0
Đầu tư vào Cty LD,LK	67.1	67.1	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	126	390	381	414	454
Tổng tài sản dài hạn	1,095	1,275	1,603	1,971	2,343
Tổng cộng tài sản	2,505	2,783	3,206	3,564	4,143
Nợ ngắn hạn	86.1	113	118	124	131
Phải trả người bán	77.0	80.8	78.1	86.2	94.5
Nợ ngắn hạn khác	105	115	317	427	638
Tổng nợ ngắn hạn	322	372	576	706	938
Nợ dài hạn	0	100	200	300	500
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	3.68	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	104	200	300	500
Tổng nợ phải trả	322	476	776	1,006	1,438
Vốn chủ sở hữu	2,183	2,307	2,430	2,557	2,705
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	2,183	2,307	2,430	2,557	2,705
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,505	2,783	3,206	3,564	4,143
BVPS (đ)	14,175	14,977	15,778	16,605	17,563
Nợ thuần/(tiền mặt)	(75.9)	23.6	(11.0)	211	325

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	415	462	483	510	567
Khấu hao	(106)	(105)	(93.7)	(95.5)	(97.4)
Lãi vay thuần	(11.9)	(17.4)	(12.9)	(20.9)	(33.2)
Thuế TNDN đã nộp	(70.8)	(101)	(94.2)	(98.0)	(107)
Thay đổi vốn lưu động	(72.9)	(232)	28.7	(95.6)	(104)
Khác	(143)	(146)	0	0	0
LCT thuần từ HKKD	216	54.2	515	414	454
Đầu tư TS dài hạn	(96.8)	(26.9)	(430)	(430)	(430)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	4.83	1.13	0	0	0
Khác	(35.3)	(50.8)	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(127)	(76.6)	(430)	(430)	(430)
Cổ tức trả cho CSH	(70.0)	(77.0)	(92.4)	(92.4)	(92.4)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	36.7	127	5.64	5.92	6.22
Khác	0	0	142	(14.2)	155
LCT thuần từ HĐTC	(33.3)	49.7	55.2	(101)	68.6
Tiền & tương đương tiền đầu kì	106	162	189	329	213
LCT thuần trong kỳ	55.8	27.2	140	(117)	92.3
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.02	(0.03)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	162	189	329	213	305
Dòng tiền tự do	119	27.3	84.9	(15.8)	23.6

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.8	41.0	41.8	41.0	41.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	23.6	23.2	24.1	23.3	23.3
Tỷ suất LNT (%)	14.6	14.3	15.8	15.1	15.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.6	21.8	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	10.6	10.7	(2.06)	8.81	9.67
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	12.3	8.90	1.61	5.03	9.80
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	7.11	8.81	7.90	4.07	9.23
Tăng trưởng EPS (%)	7.11	8.81	7.90	4.07	9.23
Tăng trưởng DPS (%)	(50.0)	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	25.9	23.8	22.0	21.2	19.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	15.0	15.6	15.9	15.7	16.3
ROACE (%)	19.5	20.1	19.1	18.6	18.7
Vòng quay tài sản (lần)	0.90	0.92	0.80	0.77	0.74
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.52	0.12	1.07	0.81	0.80
Số ngày tồn kho	191	172	172	172	172
Số ngày phải thu	104	102	104	102	103
Số ngày phải trả	20.8	20.5	20.5	20.5	20.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(2.68)	2.39	0.82	9.59	13.4
Nợ/tài sản (%)	4.13	8.78	10.9	12.9	16.1
EBIT/lãi vay (lần)	35.0	26.5	37.3	24.4	17.1
Nợ/EBITDA (lần)	0.20	0.43	0.61	0.76	1.00
Chỉ số TT hiện thời (lần)	4.38	4.05	2.78	2.26	1.92
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.48	2.28	2.31	2.21	2.06
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.5	9.82	9.60	9.51	8.83
P/E (lần)	18.6	17.1	15.9	15.3	14.0
P/E ĐC (lần)	18.6	17.1	15.9	15.3	14.0
P/B (lần)	2.54	2.40	2.28	2.17	2.05
Lợi suất cổ tức (%)	1.39	1.39	1.39	1.39	1.39

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn